

LỊCH SỬ GIA ĐỊNH

Nguyễn Thanh Liêm

Chín năm trước, năm 1998, dân Sài Gòn - Gia Định ăn mừng kỷ niệm 300 thành phố Sài Gòn. Điều này nói lên rằng thành phố Sài Gòn ra đời hồi năm 1698. Tựa trên dữ kiện nào mà người ta có thể xác nhận như vậy? Nói Sài Gòn ra đời năm 1698 người ta đã tựa trên cái mốc lịch sử của sự việc là hồi năm này Minh Vương Nguyễn Phúc Chu sai Thống Suất Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam kinh lược, và công việc của Nguyễn Hữu Cảnh trong chuyến kinh lược này được Trịnh Hoài Đức ghi lại trong “Gia Định Thành Thông Chí” là :

“Lấy đất Nông Nại đặt làm phủ Gia Định, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên; lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn. Mỗi dinh đặt chức lưu thủ, cai bộ và ký lục để cai trị” (Gia Định Thành Thông Chí, tr. 12). Đây là lần đầu tiên đất này được định danh, được phân ranh, được đăng ký vào sổ bộ của Việt Nam. Qua việc làm này, Nguyễn Hữu Cảnh đã chánh thức xác lập và tuyên bố chủ quyền quốc gia Việt Nam trên vùng đất mới này. Danh xưng Gia Định ra đời từ lúc đó, và từ đó mới có phủ Gia Định, có huyện Tân Bình thuộc phủ Gia Định. Gia Định lúc này chỉ mới là một phủ bao gồm cả Sài Gòn. Hai địa danh Sài Gòn - Gia Định luôn luôn gắn liền nhau bởi Sài Gòn là là lỵ sở của Gia Định, và năm 1698 là cái mốc chính cho danh xưng Sài Gòn Gia Định vậy.

Trước cái mốc lịch sử này, đất Gia Định thuộc về ai? Những dân tộc nào đã sống trên vùng đất này và từ bao giờ? Các di chỉ khảo cổ từ thời Pháp thuộc đến giờ cung cấp những bằng chứng cho thấy có người sinh sống trên vùng đất Gia Định - Sài Gòn và vùng bao quanh, từ thời tiền sử. Văn hoá của những người sinh sống ở đây có liên hệ tới văn hoá đá cũ (Xuân Lộc, Lộc Ninh, Định Quán), văn hoá Hoà Bình - Bắc Sơn (Suối Chồn), văn hoá đá mới (Cầu Sắt), đá mới - đồng (Núi Góm, Bến Đò, An Sơn), văn hoá đồng - sắt (Dốc Chùa, Suối Chồn, Rạch Núi), văn hoá Sa Huỳnh (Hàng Gòn, Phú Hoà, Giồng Phệt, Giồng Cá Vồ), văn hoá Đông Sơn (trống đồng Bình Phú, Vũng Tàu, Lộc Ninh, Lộc Khánh, Phú Chánh), văn hoá Óc Eo và hậu Óc Eo. Từ đó người ta suy ra rằng vùng đất này là vùng đất của người Phù Nam và sau đó là của người Chân Lạp từ thế kỷ I trước Công Nguyên đến thế kỷ XIII. Nhưng dù có người Phù Nam hay Chân Lạp đi nữa thì đất này vẫn chưa thuộc chủ quyền của một quốc gia nào. Vì trên phương diện xã hội, các nước Phù Nam, Chân Lạp, Lâm Ấp thời văn hoá Óc Eo và hậu Óc Eo vẫn còn ở trong tình trạng của những mandalas chớ chưa phải là những quốc gia có lãnh thổ, cương vực rõ ràng.

Mặt khác sách sử cho biết trước khi người Việt đến vùng Đồng Nai khai khẩn thì nơi đây còn là cả một vùng “toàn rừng rậm mấy nghìn dặm” theo Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn. Vùng rừng rậm hoang vu này là vùng cư trú của nhiều nhóm dân tộc thiểu số mà người Việt gọi chung là người “Man” theo tiếng Hán Việt hay nôm na là người “Mọi.” Đó là các dân tộc thiểu số người Mạ, người Xtiêng, người Mnông, Người Coho, người Churu, v v . . . Trong các nhóm này quan trọng hơn hết là người Mạ ở vùng Mô Xoài Bà Rịa, người Xtiêng ở vùng Biên Hòa, Bình Dương và người Khơ Me ở Tây Ninh. Dân tộc Mạ hay Châu Mạ (Châu theo tiếng Mạ có nghĩa là người) nói tiếng nói thuộc nhóm Môn - Khơ Me. Địa bàn sinh sống của Châu Mạ ngày xưa là cả vùng Đồng Nai xuống đến Mỹ Tho (theo Bình Nguyên Lộc). *“Tuy phải triều cống Cao Miên, Mạ vẫn là một tiểu quốc tự do. Tiểu vương Chê Mạ cai trị khắp vùng Tây Nam trên lưu vực sông La Ngà và, về mạn Bắc, trên cao nguyên Di Linh và Lâm Đồng nay.”* (B. Bourotte. Essai d'histoire des populations montagnardes du Sud - Indochinois jusqu'à 1945. BSEI, Saigon, 1955, tr. 31). Dân tộc Mạ mà người Việt thường gọi là Mọi Bà Rịa, thạo nghề dệt vải có hoa văn đẹp, ở nhà sàn dài, có tục cà răng và râu lở tai lớn. Họ rất hiền hòa, thường bị người Xtiêng và người Miên bắt đem bán làm nô lệ ở các nơi. Tệ nạn này chấm dứt khi người Việt đến cai trị, nhưng lúc đầu vì còn cần nhiều nhân công nên nạn mãi nô (thật ra là người làm, đầy tớ hơn là nô lệ) còn tồn tại một thời gian như đã ghi trong Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn:

“Từ các cửa biển như Cần Giờ, Soài Rạp . . . đi vào toàn là những đám rừng hoang vu đầy cỏ rậm, mỗi đám rừng có thể rộng hơn nghìn dặm. . . Nhà Nguyễn cho dân được tự nhiên chiếm đất. . . Lại cho họ thuê nhận những người Mọi từ trên đầu nguồn xuống để mua làm đầy tớ, đưa ở, sai khiến, hầu hạ. . .” (Về chế độ mãi nô này xin xem thêm bài của Bình Nguyên Lộc trong

Dòng Việt, số 17, tr. 210-221). Dân tộc Mạ hiện có khoảng 20,000 người cư ngụ ở vùng cực Nam Tây Nguyên, phía Nam tỉnh Lâm Đồng, và một số ở Đắc Lắc.

Người Xtiêng cư trú trong vùng các tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, Biên Hòa. Tiếng nói của họ có nhiều nét gần gũi với tiếng Mnông, Cờho, Mạ, nằm trong nhóm Môn - Khờ Me. Họ để tóc dài, bôi đấng sau gáy, đeo bông tai bằng cây hay bằng ngà, xăm mình, đàn bà mặc váy, đàn ông đóng khố. Địa chí Thủ Dầu Một ấn hành năm 1910 gọi dân tộc Xtiêng là Mọi hoang, Mọi Cà Răng, Mọi Việt hay Mọi Đồng Nai. Dân tộc Xtiêng hiện nay có khoảng 40,000 người quản tụ vùng biên giới Tây Nam, ở các tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai.

Người Khờ Me (người Miên) có mặt rất ít ở vùng Tây Ninh. Họ rút đi về phía Tây của Tây Ninh, về vùng biên giới Miên Việt khi người Việt vào khai phá vùng Đồng Nai. Ở Hậu Giang, vùng Trà Vinh - Sóc Trăng có nhiều người Miên hơn ở Miền Đông Nam Phần. Những sóc người Miên này sống cách biệt với triều đình Kampuchea. Khi người Việt vào khai khẩn vùng Hậu Giang thì người Việt và người Miên cùng cộng cư, và sau này khi toàn cõi Nam Việt thuộc về Chúa Nguyễn thì những người Miên này trở thành người dân thiểu số trong cộng đồng người Việt.

Vùng Đồng Nai, vùng cư trú của hai sắc dân Xtiêng và Mạ là vùng đệm giữa hai nước Chiêm Thành và Chân Lạp. Vào đầu thế kỷ XVII, đất đai vùng này quá rộng mà người thì quá ít cho nên dân cư quá thưa thớt, và phần lớn đất đai là rừng rú hoang vu đầy muôn thú. Khi người Việt bắt đầu vào khai khẩn đất hoang vùng này thì người Mạ, người Xtiêng và một ít người Khờ Me (ở phí Tây Tây Ninh) từ từ rút lui dần về vùng đất cao ở phí Bắc và phía Tây, nhường đất thấp ở phía Nam cho người lưu dân mới đến khai phá. Người Việt thành thạo hơn trong việc khai khẩn đất đai, trồng lúa nước ở đất thấp (gọi là thảo điền), trong khi người sắc tộc thiểu số thì thành thạo trong việc săn bắn và làm rẫy trên các ruộng cao hay giồng (sơn điền). Đất rộng mênh mông hoang vu, và lại là đất thấp không mấy thích hợp với thổ dân, là hai điều kiện vô cùng thuận lợi cho người lưu dân Việt vào vùng Đồng Nai khai hoang sinh sống mà không gặp một sự chống đối nào.

Số ít người Việt đầu tiên vào đây khai phá không biết là ai, không biết họ bắt đầu vào làm công việc đó từ lúc nào, không có một ghi chép nào để lại tên họ gốc gác của những người đó. Theo các sách sử sau này thì chắc chắn họ đã vào vùng Đồng Nai khai khẩn sinh sống rất sớm, ngay từ lúc Nguyễn Hoàng vừa vào trấn thủ Thuận Hóa. Trịnh Hoài Đức cho là từ đời các "tiên hoàng đế" tức là từ thời các chúa Nguyễn Hoàng, Nguyễn Phước Nguyên. Mô Xoài là nơi mà người Việt đã đến khai phá, định cư sớm nhất. Mô Xoài tức là Bà Rịa bây giờ. Các sách Gia Định Thông Chí của Trịnh Hoài Đức và Đại Nam Nhất Thống Chí triều Nguyễn cho rằng xứ Mô Xoài là vùng địa đầu của Biên Trấn, tức là vùng người lưu dân Việt đầu tiên đặt chân vào để khai phá mở mang Miền Nam nước Việt.

Đây chỉ là những bước đầu lẻ tẻ, chập chững của những người đi tiên phong trong công cuộc mạo hiểm vào vùng đất mới lạ. Phải đợi một cơ hội thuận tiện nào đó để việc mở rộng về phương Nam trở thành phong trào mạnh mẽ, có tính cách quy mô hơn. Cơ hội đó là sự cầu thân của vua Chân Lạp Chey Chetta II với Chúa Nguyễn Phúc Nguyên vào năm 1620. Sử Khờ Me ghi là sau khi lên ngôi vua Chey Chetta II cho xây cung điện nguy nga tại Oudong rồi cử hành lễ cưới long trọng với một nàng công chúa xinh đẹp của Việt Nam. Hoàng hậu Sam Đát (tức công chúa Ngọc Vạn) có đem nhiều đồng hương sang Chân Lạp. Có người làm quan trong triều, có người làm thủ công, có người buôn bán, vận chuyển hàng hóa. Theo hồi ký của giáo sĩ Chistofò Borri, một người Ý đã sống gần Qui Nhơn từ 1618 đến 1622, thì chúa Nguyễn đã viện trợ cho vua Chân Lạp cả tàu thuyền lẫn binh lính để chống lại quân Xiêm. Borri cũng tả rõ phái đoàn quan quân Việt Nam đưa công chúa Ngọc Vạn về Oudong như sau: "

Sứ bộ gồm khá đông người, cả quan lẫn lính, vừa nam vừa nữ, chuyên chở trên những chiếc thuyền lớn có trang bị vũ khí và bày trí lộng lẫy. Khi sứ bộ tới kinh Oudong, thì dân chúng Khờ Me, thương nhân Bồ Đào Nha, Nhật Bản, Trung Hoa đã tụ hội đông đảo để đón tiếp và hoan nghênh."

Về phương diện xã hội, việc công chúa Ngọc Vạn theo chồng về Miên có thể được xem như là một sự mở đầu cho những bành trướng lãnh thổ quy mô về phương Nam của dân tộc Việt. Theo chân Ngọc Vạn công chúa lưu dân người Việt càng ngày càng vào Nam lập nghiệp nhiều hơn. Với chính sách khuyến khích khéo léo của chính quyền, làn sóng vào Nam càng lúc càng bành trướng mạnh mẽ. Về phương diện chính trị ngoại giao, cuộc hôn nhân của công chúa Ngọc Vạn với vua Chey Chetta II là bước mở đầu cho mối liên hệ ngoại giao giữa hai dân tộc Việt-Khờ Me, một mở đầu hết sức quan trọng đối với triều Nguyễn và người dân Đàng Trong. Từ đây trở

đi trước mắt người Đàng Trong mở ra một vùng đất mênh mông hoang vu để khai khẩn để biến thành kho lương thực và tài sản vô tận cho người dân và quốc gia. Cũng từ đây triều Nguyễn luôn luôn sẵn sàng để hoặc giúp đỡ/viện trợ, hoặc can thiệp vào nội tình Chân Lạp với những kết quả vô cùng thuận lợi cho người Việt. Cứ mỗi lần quân chúa Nguyễn tiến lên xứ Miền làm một công ơn gì đó đối với Chân Lạp là mỗi lần triều đình Chúa Nguyễn được đền đáp bằng một số đất đai để hợp thức hóa những nơi lưu dân người Việt đã từng vào khai phá. Những sự kiện lịch sử sau đây đánh dấu những bước tiến trong quá trình hoàn thành vùng đất Nam Kỳ Lục Tỉnh theo lối “dân đi trước chính quyền đến sau”:

* Hai năm sau khi Ngọc Vạn trở thành hoàng hậu Chân Lạp, năm 1623, chúa Nguyễn sai phái bộ tới Oudong yêu cầu vua Chey Chetta II cho chúa Nguyễn lập hai đồn thu thuế tại Prei Nokor (Sài Gòn) và Kas Krobei (Bến Nghé). Đây là vùng qua lại và nghỉ ngơi của thương nhân Việt Nam đi Chân Lạp. Từ khi có các đồn thu thuế của chúa Nguyễn, vùng này đã trở nên vùng thị tứ trên bến dưới thuyền rất là sầm uất.

Những giai đoạn Nam tiến kể từ năm 939

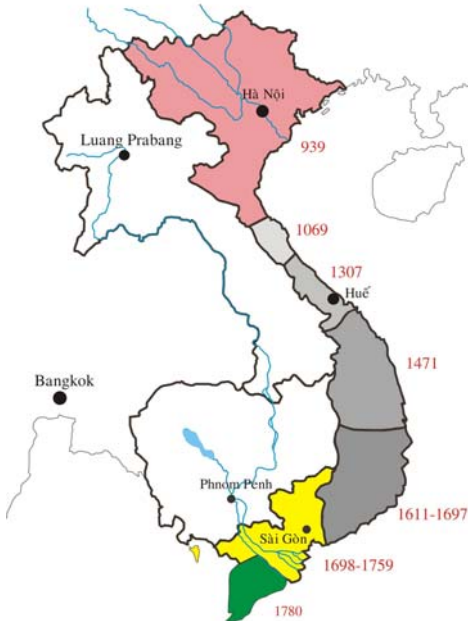
* Năm 1658 triều đình Chân Lạp có nội biến, thái hậu Ngọc Vạn đã khẩn cầu Chúa Nguyễn là Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần giúp quân đánh dẹp Nặc Ông Chân dành lại ngôi báu cho dòng họ Prea Outey. Chúa Hiền, cháu kêu thái hậu Ngọc Vạn bằng cô ruột, cho quan Khâm Mạng Trần Biên dinh Phú Yên là Tôn Thất Yển đem 3,000 quân qua giúp bắt được Nặc Ông Chân giải về Quảng Bình. “Người Cao Miên khâm phục oai đức của triều đình đem nhượng hết cả đất ấy rồi đi lánh chỗ khác, không dám tranh trở chuyện gì.” (Gia Định Thông Chí, trung, tr.7). Đất ấy đây là vùng Mô Xoài, chính thức thuộc lãnh thổ Việt Nam từ đó.

* Sang năm 1674 Nặc Ông Đài lại liên kết với Xiêm La chống Đại Việt. Chúa Nguyễn là Hiền Vương cử cai cơ Nguyễn Dương Lâm đem quân đánh chiếm Sài Gòn và tiến lên Nam Vang. Chúa Nguyễn làm chủ tình thế cả vùng Đồng Nai.

* Năm 1679 trấn thủ Quảng Đông là Dương Ngạn Địch cùng với phó tổng binh Hoàng Tiến, và tổng binh các châu Cao, Lô, Liêm là Trần Thượng Xuyên cùng phó tổng binh Trần An Bình đem 3000 quân Trung Hoa (nhà Minh) với 50 chiến thuyền trốn quân Thanh chạy sang Việt Nam xin làm thần dân của Chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn Phúc Tần dung nạp họ và cho người hướng dẫn họ đến vùng đất mới trong Nam để định cư sinh sống. Nơi đây đã có một số người lưu dân Việt khai phá. Dương Ngạn Địch vào Mỹ Tho, Trần Thượng Xuyên vào Biên Hòa khai khẩn đất đai, thiết lập phố xá bán buôn., phát triển nông nghiệp và thương nghiệp cùng với người lưu dân Việt ở hai nơi này. Cùng lúc đó ở Cà Mau, một cựu thần khác của nhà Minh là Mạc Cửu cũng trốn quân Thanh sang đây khai khẩn lập nghiệp.

* Năm 1698 Minh Vương Nguyễn Phúc Chu cử thống suất Nguyễn Hữu Cảnh làm kinh lược Miền Nam và đất Chân Lạp. Và khi vào Nam Nguyễn Hữu Cảnh đã **“Lấy đất Nông Nại đặt làm phủ Gia Định. . . lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình”** như đã nói ở phần đầu.

Từ một phủ hồi năm 1698 Gia Định lớn dần thật nhanh để trở thành một trấn (Gia Định Trấn) năm 1802 bao gồm tất cả vùng đất mới từ Bình Thuận đến Cà Mau dưới thời Gia Long. Đây là thời Gia Định Ngũ Trấn bao gồm 5 trấn là Phiên An Trấn, Biên Hoà Trấn, Định Tường Trấn, Vĩnh Thanh Trấn, và Hà Tiên Trấn. Danh xưng Trấn cũng không ổn lắm vì Gia Định Trấn và Phiên An Trấn đều cùng là trấn, nhưng Gia Định là Trấn Lớn (như Tổng Trấn) bao gồm trấn Phiên An ở trong. Để tránh lẫn lộn triều đình cho đổi Gia Định Trấn ra Gia Định Thành hồi năm 1808. Gia Định Thành bao gồm 5 trấn vừa kể. Sài Gòn luôn luôn là lỵ sở của Gia Định. Tả Quân Lê Văn Duyệt là Tổng Trấn Gia Định Thành hai lần : lần thứ nhất từ 1812 đến 1815 (triều Gia Long), và lần thứ hai từ 1820 đến 1832 (triều Minh Mạng). Tổng Trấn Gia Định là người cai quản cả Miền Nam nước Việt, chẳng khác nào một Phó Vương cai trị cả một vùng, hay như Thống Đốc cai



quản cả Nam Kỳ sau này dưới thời Pháp thuộc. Trịnh Hoài Đức viết Gia Định Thành Thông Chí thời vua Gia Long. Khi Minh Mạng lên ngôi năm 1920, tác phẩm này được dâng lên cho nhà vua và được trọng dụng nơi triều nội. Gia Định theo sách địa chí của Trịnh Hoài Đức bao gồm cả vùng đất Miền Nam nước Việt.. Đề tựa bản dịch “Gia Định Thành Thông Chí”, Đào Duy Anh viết:

“ Cái tên Gia Định là tên vốn có từ trước dùng để gọi tất cả miền Nam Bộ; đến đời Gia Long cũng sẵn gọi như thế. Gia Định thành là chỉ chung cả miền Nam Bộ, chia làm năm trấn, có viên Tổng Trấn phụ trách. Người ta gọi ba ông tướng giỏi của Nguyễn Ánh là Gia Định tam hùng. Đến năm 1832 Minh Mạng mới bỏ thành Gia Định mà lấy đất của thành cho vào tỉnh Phiên An đặt thay cho trấn Phiên An, và đến năm 1836 mới đổi tỉnh Phiên An làm tỉnh Gia Định. Vậy Gia Định thông chí là bộ sách chép về cả miền Gia Định, tức miền Nam Bộ xưa.” (GDTC, tr10).

Theo thống kê năm 1819 thì Gia Định Thành có 97,100 suất đinh, với khoảng 700,000 dân. Riêng trấn Phiên An có 28,200 suất đinh với khoảng 180,000 dân. Lỵ sở Sài Gòn có khoảng 60,000 người phân bố trong các thôn xóm thuộc 3 tổng Bình Trị, Dương Hoà (huyện bình Dương) và Tân Phong (huyện Tân Long). Sài Gòn - Gia Định bấy giờ là trung tâm kinh tế thương mại, đầu não quân sự chính trị, của cả Miền Nam. Về thương cảng Sài Gòn, Trịnh Hoài Đức ghi: “Sông Tân Bình ở trước thành Gia Định, tục danh sông Bến Nghé, rộng 142 tầm (345.77m), sâu 10 thước (4.87m), con nước lên thì sâu 13 thước (6.33m), những tàu buôn và ghe lớn nhỏ của bản quốc và ngoại quốc liên tiếp đến đậu, trông thấy trụ buồm liên lạc, làm ra một đại đô hội.” (Gia Định Thành Thông Chí, tr.37). Hàng năm có hàng trăm tàu buôn người Hoa và hàng chục thương thuyền Tây Phương tới trao đổi hàng hoá ở Sài Gòn. Sài Gòn Gia Định cũng là trung tâm công nghiệp quan trọng. Theo Lê Quý Đôn thì dân làng Lý Hoá thuộc Nam Bộ Chính vào Gia Định đóng thuyền lớn đến trăm chiếc, mỗi chiếc giá đến hơn nghìn quan, đem về làng bán lại. Sài Gòn lúc này cũng đã tiếp thu kỹ thuật Tây Phương làm chiến hạm, đúc súng đồng, làm bản đồ, sử dụng một số dụng cụ khoa học (Trần Văn Học là người biết nhiều kỹ thuật Tây Phương). Thành Bát Quái đắp theo kiểu Vauban là ảnh hưởng kỹ thuật Tây Phương. Nhìn vào bản đồ thành Gia Định của người Pháp vẽ, ta thấy phía Đông thành này (mặt trông ra sông Thị Nghè) và phía Nam (mặt trông ra sông Bến Nghé) phổ phường đông đúc, dày đặc. Phía Tây và phía Bắc dân cư thưa thớt nhưng phía Tây dẫn về Chợ Lớn lại có một trung tâm vô cùng nhộn nhịp về thủ công và thương mại. Một du khách ngoại quốc là ông Finlayson đã đánh giá Sài Gòn, Chợ Lớn còn to lớn hơn thủ đô Bangkok. Sài Gòn Gia Định cũng là một trung tâm văn hoá giáo dục quan trọng của Miền Nam. Trịnh Hoài Đức viết : “Gia Định ở Nam Việt đất rộng, vật thực nhiều, không lo sự đói rét, nên nhân dân ít tích luỹ, tập tục xa hoa, sĩ khí hiên ngang. . . con người hay chuộng tiết nghĩa, học sách Tứ Thư, Ngũ Kinh, Thông Giám, thì tìm hiểu nghĩa lý. Lúc đầu trung hưng đặt chức đốc học, ban bố học qui, mở khoa thi, lối học cử nghiệp phát khởi, từ đấy lý học cùng văn chương đều thịnh hành tốt đẹp, mà văn phong mới trở dậy.” (Gia Định Thành Thông Chí. Tập Hạ, tr.4). Đương thời nổi tiếng là nhóm Gia Định Tam Gia với ba nhân vật lỗi lạc là Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định và Ngô Nhơn Tịnh. Từ 1802 đến 1832 là 30 năm tương đối thanh bình là thời kỳ phát triển tốt đẹp của Gia Định Thành mà Sài Gòn là thủ phủ.

Chế độ Tổng Trấn bị bãi bỏ từ thời Minh Mạng trong những năm 1931 ở Bắc Hà và 1932 ở Nam Hà sau ngày Lê Văn Duyệt từ trần. Từ đây Gia Định không còn bao gồm cả Miền Nam nước Việt nữa mà lại trở thành một tỉnh, tỉnh Gia Định (Phiên An cũ), một trong 6 tỉnh của cả Miền Nam (Nam Kỳ Lục Tỉnh) dưới thời Minh Mạng. Lục Tỉnh bấy giờ là Gia Định, Biên Hoà, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Các tỉnh chịu sự cai trị trực tiếp từ Triều Đình Huế ở trung ương chớ không qua chức quan Tổng Trấn nữa. Nhưng sang đời Tự Đức, từ năm 1848, nhà vua thấy ở Miền Nam có nhiều việc cần giải quyết ngay tại chỗ mới sai Nguyễn Tri Phương đi kinh lý Nam Kỳ trong chức vụ Kinh lược Sứ, và năm sau cử thêm Phan Thanh Giản làm Kinh lược Phó Sứ. Vai trò của Nguyễn Tri Phương và Phan Thanh Giản cũng quan trọng như vai trò của Lê Văn Duyệt và Trịnh Hoài Đức trước kia trong chức vụ Tổng Trấn và Phó Tổng Trấn. Nam Kỳ bây giờ lại trở thành một loại Gia Định Thành như xưa dưới một cái tên khác. Cũng dưới triều Tự Đức, năm 1859, Sài Gòn bị Pháp tấn công, và năm năm sau cả Miền Nam đã thuộc về tay Pháp. Sài Gòn Gia Định đi vào giai đoạn lịch sử mới: thời Pháp thuộc.

Dưới thời Pháp thuộc, Nam Kỳ (Cochinchine) được chia làm 21 tỉnh. Gia Định là một trong 21 tỉnh đó. Xin nhắc lại đây bài thơ lấy chữ đầu của 21 tỉnh như sau:

Gia Châu Hà Rạch Trà
Sa Bến Long Tân Sóc
Thủ Tây Biên Mỹ Bà

Chợ Vĩnh Gò Cần Bạc Cấp

Lúc này Sài Gòn là thủ phủ của Nam Kỳ và Gia Định là tỉnh bao quanh Sài Gòn, Chợ Lớn. Vào đầu những năm 1880 cả Sài Gòn - Chợ Lớn có khoảng 10 vạn dân. Thành phố lúc này bắt đầu mang vẻ một thành phố Tây Phương thuộc địa. Đây là hình ảnh Sài Gòn qua bài Gia Định phong cảnh vịnh:

Đây là cảnh dưới sông, dưới bến tàu:

“Dưới sông tàu lửa đậu liền,
Từ đồn Giao Thủy sắp lên Bà Nghè,
Giao thông các nước bộn bề,
Có tàu Đông Việt, có ghe Bắc Kỳ.
Bán buôn vật nọ hàng kia,
Lao xao thương khách xiết gì là đông.
Chiếc qua chiếc lại đầy sông,
Mù mù khói toả, ùng ùng máy kêu. . .”

Và đây là cảnh trên bờ:

“Chẳng phiền hao tổn của công,
Mở đường ngang dọc, đào sông vẫn dài.
Đàng thì đã rộng lại ngay,
Trên đầu che mát có cây hai hàng.
Mỗi sông có bắc cầu ngang,
Đá xây bốn phía, sắt ràng hai bên.
Mỗi đàng tối có tháp đèn,
Dưới sông trên bộ sáng liền như nhau.”

Sài Gòn phát triển rất mạnh, trở thành “hòn ngọc Viễn Đông”(La Perle de l'Extrême Orient, The Pearl of the Far East) hay “Ba Lê ở Phương Đông” (Paris dans l'Orient, Paris in the Orient). Sài Gòn là thủ đô của Nam Kỳ, là thương cảng lớn nhất ở Việt Nam. Lúc này Gia Định là tỉnh bao quanh Sài Gòn. Nhiều quận của Gia Định gắn liền vào Sài Gòn, cùng phát triển theo Sài Gòn.

Thời Việt Nam Cộng Hoà, Miền Nam có 26 tỉnh, gồm 9 tỉnh thuộc Miền Đông Nam Phần, và 17 tỉnh thuộc Miền Tây Nam Phần. Gia Định là một trong 26 tỉnh của Nam Phần Việt Nam và là một trong 9 tỉnh của Miền Đông Nam Phần. Sài Gòn là thủ đô của Miền Nam tự do, trở thành trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của Việt Nam Cộng Hoà. Gia Định là tỉnh quan trọng bao quanh Sài Gòn. Sài Gòn Gia Định lớn nhanh, phát triển mạnh mẽ, không thua gì các thành phố hải cảng tân tiến khác trong vùng Đông Nam Á.

Sau 1975, chánh quyền cộng sản xoá bỏ tỉnh Gia Định, sát nhập một số các quận của tỉnh Gia Định vào thành phố Sài Gòn, và một số khác vào các tỉnh lân cận. Các quận Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Thủ Đức, Bình Tân nay đều thuộc về thành phố Sài Gòn. Miền Nam hiện thời chỉ còn có 11 tỉnh là Sông Bé, Đồng Nai, Tây Ninh, Long An (Miền Đông Nam Phần), Đồng Tháp, Tiền Giang, Cửu Long, An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Minh Hải (Miền Tây Nam Phần).

Danh xưng Gia Định chỉ mới xuất hiện vào cuối thế kỷ XVII và đến năm 1975 thì bị chính quyền cộng sản xoá đi nhưng người lưu dân Việt đã đến vùng này làm ăn sinh sống ít ra cũng cả thế kỷ trước 1698 và bây giờ người Gia Định vẫn sẽ còn mãi mãi ở Việt Nam cũng như ở hải ngoại. Tôi hy vọng hội đồng hương Gia Định cùng với người Gia Định ở hải ngoại cũng như ở trong nước sẽ làm cho Gia Định sống mãi trong lòng người dân Việt.